

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.
2. Ông Phạm Quốc H.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Trí N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: ông Bùi Ngọc H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Tạ Thị Thanh V , sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 25, đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: anh Huỳnh Quốc B , sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: số 02, đường Nguyễn Đ, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Chỗ ở hiện tại: tổ 25, đường Nguyễn Văn Linh, khu dân cư ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 10/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Thanh V trình bày: Chị V với anh B tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường V , thành phố R , tỉnh K và được UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 11/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Huỳnh Bảo L , sinh ngày 12/12/2012. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh B không có việc làm, thường xuyên chơi game, không quan tâm đến gia đình, mọi công việc đều do Chị V quán xuyến. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị V đã nhiều lần khuyên anh B tìm kiếm việc làm để có thu nhập và lo cho gia đình nhưng anh B vẫn không thay đổi. Tuy hiện nay Chị V và anh B còn sống chung nhà nhưng khoảng 3 đến 4 năm nay đời sống hôn nhân không còn và cũng ít nói chuyện với nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên Chị V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị V yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B .
- Về con chung: do Chị V có việc làm và thu nhập ổn định, đủ khả năng lo cho con nên chị yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: trước đây, tại đơn khởi kiện Chị V yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm: diện tích 75m² đất tọa lạc tại khu dân cư ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A , theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ531152 ngày 14/10/2013 do ông Huỳnh Quốc B , bà Tạ Thị Thanh V đứng tên. Trên đất có căn nhà cấp 4 (ngang 5m, dài 15m), nhà lợp mái tole. Giá trị tài sản chung là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng). Chị V nhận nhà, đất và sẽ trả lại cho anh B 50% giá trị. Nay Chị V rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung để các bên tự thỏa thuận về tài sản; trong trường hợp không thỏa thuận được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.
- Về nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai ngày 10/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Quốc B trình bày: anh B với Chị V tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường V , thành phố R , tỉnh K và được UBND phường V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 11/11/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Huỳnh Bảo L, sinh ngày 12/12/2012. Tuy anh B và Chị V có mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống nhưng không đáng kể, không đến nỗi phải ly hôn. Chị V cho rằng anh B thường xuyên chơi game, không quan tâm đến gia đình là không đúng, vì anh chỉ chơi game khi có thời gian rảnh rỗi. Hiện tại anh B chưa có việc làm nên ở nhà phụ giúp Chị V buôn bán văn phòng phẩm và chăm con. Trong cuộc sống hàng ngày, anh B và Chị V rất ít giao tiếp với nhau.

Về tài sản chung: vợ chồng có 75m² đất, thửa số 45, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại khu dân cư ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A (giấy chứng nhận QSD đất số BQ531152 ngày 14/10/2013 do ông Huỳnh Quốc B , bà Tạ Thị Thanh V đứng tên); trên đất có 01 căn nhà cấp 4 (ngang 5m, dài 15m), nhà lợp mái tole. Nay Chị V yêu cầu ly hôn thì anh B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: anh B không đồng ý ly hôn với chị Tạ Thị Thanh V , vì anh vẫn còn thương vợ và không muốn con thiếu thốn tình cảm cha, mẹ.

- Về con chung: tuy anh B không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì cháu L muốn sống với ai là tùy vào nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu L muốn sống với anh B thì anh đồng ý nuôi và không yêu cầu Chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: do anh B không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung.

- Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên:

+ Về hôn nhân: chị Tạ Thị Thanh V được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B

+ Về con chung: giao cháu Huỳnh Bảo L, sinh ngày 12/12/2012 cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị V không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu chia tài sản chung.

+ Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Quốc B đang sinh sống tại ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A , nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị Thanh V và anh Huỳnh Quốc B chung sống với nhau từ năm 2011, đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nên được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 125, ngày 11/11/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của Chị V và anh B phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.2] Xét yêu cầu ly hôn của Chị V thấy rằng, Chị V với anh B chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2015, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay Chị V nhận thấy không còn tình cảm với anh B nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn anh Huỳnh Quốc B cho rằng, tuy anh và Chị V có mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân nhưng không đến nỗi phải ly hôn. Anh B thừa nhận, mặc dù anh và Chị V còn sống chung nhà nhưng giữa hai người rất ít giao tiếp với nhau và sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay anh B không đồng ý ly hôn với Chị V vì giữa hai người vẫn còn tình cảm vợ chồng.

[3.2.1] Qua xác minh tình trạng hôn nhân (tại nơi sinh sống của Chị V và anh B), được chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: anh B đang sống tại số 25, đường Nguyễn Văn Linh, ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh A nhưng không đăng ký thường trú tại địa chỉ này. Thời gian chung sống, Chị V và anh B có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không biết rõ; thỉnh thoảng anh B có bỏ nhà đi nhưng địa phương không biết đi đâu, sau đó lại quay về nhà.

[3.2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho Chị V và anh B đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, đồng thời chăm sóc và giáo dục con chung nhưng Chị V và anh B vẫn không đoàn tụ được.

Xét thấy, Chị V và anh B bất đồng quan điểm trong cuộc sống, phát sinh mâu thuẫn suốt thời gian dài, từ năm 2015 cho đến nay. Tại phiên tòa, Chị V cho rằng, duy trì hôn nhân không mang lại hạnh phúc và nhất quyết ly hôn với anh B. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa Chị V và anh B mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tạ Thị Thanh V.

[4] Quan hệ con chung: Chị V và anh B có 01 con chung tên Huỳnh Bảo L, sinh ngày 12/12/2012. Chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Anh B thì cho rằng, cháu L muốn sống chung với ai thì tùy vào nguyện vọng của cháu. Trường hợp cháu L muốn sống chung với anh thì anh đồng ý nuôi con, không yêu cầu Chị V cấp dưỡng.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Chị V công tác trong Ngành giáo dục, công việc và thu nhập ổn định, với mức lương trung bình 6.816.750 đồng/tháng; ngoài giờ làm việc ra, Chị V còn kinh doanh tại gia đình (in ấn, văn phòng phẩm,...) để tăng thu nhập nuôi con. Cháu L đang học tại Trường tiểu học “A” thị trấn Núi Sập,

điều kiện học tập của cháu L gần nhà và được Chị V đưa đón đi học. Đồng thời, tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Huỳnh Bảo L ngày 11/12/2020 (có sự chứng kiến của anh B và Chị V) thì cháu muốn được sống với mẹ. Về phía anh B, hiện tại chưa có việc làm ổn định và không thường xuyên có mặt tại địa phương. Như vậy, về khả năng tài chính và điều kiện nuôi con thì Chị V đã đảm bảo để nuôi con.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu L, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của Chị V; giao cháu Huỳnh Bảo L cho Chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị V không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện, Chị V yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm: 75m² đất tọa lạc tại khu dân cư ấp B, thị trấn N , huyện T , tỉnh A (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ531152 do UBND huyện T cấp ngày 14/10/2013 mang tên ông Huỳnh Quốc B , bà Tạ Thị Thanh V); trên đất có căn nhà cấp 4 (ngang 5m, dài 15m), nhà lợp mái tole. Tuy nhiên, đến ngày 20/4/2020, Chị V có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Chị V về chia tài sản chung; nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: chị Tạ Thị Thanh V yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Thanh V .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Tạ Thị Thanh V được ly hôn với anh Huỳnh Quốc B .

Giấy chứng nhận kết hôn số 125, ngày 11/11/2011 của Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: chị Tạ Thị Thanh V và anh Huỳnh Quốc B có 01 con chung tên Huỳnh Bảo L, sinh ngày 12/12/2012.

Giao cháu Huỳnh Bảo L cho chị Tạ Thị Thanh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu L đang sống chung với Chị V). Anh Huỳnh Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tạ Thị Thanh V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Quốc B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về quan hệ tài sản: đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị Thanh V về chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm: 75m² đất tọa lạc tại khu dân cư ấp B, thị trấn N, huyện T, tỉnh A (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ531152 do UBND huyện T cấp ngày 14/10/2013 mang tên ông Huỳnh Quốc B, bà Tạ Thị Thanh V); trên đất có căn nhà cấp 4 (ngang 5m, dài 15m), mái lợp tole.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận Chị V và anh B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Tạ Thị Thanh V và anh Huỳnh Quốc B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Tạ Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.675.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004626 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, tỉnh K. Như vậy, chị Tạ Thị Thanh V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.375.000 đồng (bốn triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Chi cục THADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H